# Danh sách

## CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

*( Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐHTPHCM, ngày tháng năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)*

**Khóa thi ngày: 29/10/2024 - tại Trường**

| STT | SBD | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | ĐIỂM THI | | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | LT | TH | |
| 01 | CB291001 | Nguyễn Thái Ân | 27/09/2003 | Đắk Lắk | 6,5 | 6,5 | Đạt |
| 02 | CB291002 | Hoàng Thị Lan Anh | 03/04/2003 | Thanh Hóa | 8,5 | 6,5 | Đạt |
| 03 | CB291003 | Đặng Nguyễn Duy Anh | 17/01/2004 | Tiền Giang | 9,0 | 7,0 | Đạt |
| 04 | CB291004 | Nguyễn Hoàng Minh Anh | 10/02/2003 | Vĩnh Long | 6,5 | 8,0 | Đạt |
| 05 | CB291005 | Trần Thị Vân Anh | 03/04/2003 | Long An | 7,5 | 9,5 | Đạt |
| 06 | CB291006 | Phan Tấn Bảo | 08/10/2004 | Tp. Hồ Chí Minh | 7,0 | 7,5 | Đạt |
| 07 | CB291007 | Dương Quốc Bảo | 22/06/2004 | Tp. Hồ Chí Minh | 7,5 | 9,0 | Đạt |
| 08 | CB291008 | Mai Thị Lan Chi | 20/12/1999 | Tây Ninh | 9,5 | 6,0 | Đạt |
| 09 | CB291009 | Lê Trần Hải Đăng | 19/02/2000 | Quảng Bình | 8,0 | 5,0 | Đạt |
| 10 | CB291010 | Nguyễn Tiến Đạt | 07/01/2003 | Đồng Nai | 8,5 | 5,0 | Đạt |
| 11 | CB291011 | Đặng Đông Điền | 01/05/2004 | Tp. Hồ Chí Minh | 6,5 | 7,0 | Đạt |
| 12 | CB291012 | Trần Ngọc Diệu | 06/07/2003 | Bạc Liêu | 6,5 | 7,5 | Đạt |
| 13 | CB291013 | Nguyễn Thị Thùy Dương | 06/04/2003 | Tây Ninh | 9,0 | 8,0 | Đạt |
| 14 | CB291014 | Nguyễn Quỳnh Giao | 05/03/2004 | Tp. Hồ Chí Minh | 7,0 | 8,0 | Đạt |
| 15 | CB291015 | Phan Thị Thanh Hân | 04/10/2002 | Khánh Hòa | 9,5 | 6,5 | Đạt |
| 16 | CB291016 | Lê Thị Thu Hằng | 18/01/2004 | Bình Dương | 9,5 | 6,5 | Đạt |
| 17 | CB291017 | Phan Văn Hậu | 30/01/2004 | Long An | 9,0 | 5,0 | Đạt |
| 18 | CB291018 | Nguyễn Thị Ý Hiệp | 24/12/2004 | Bình Thuận | 6,0 | 6,0 | Đạt |
| 19 | CB291019 | Nguyễn Hữu Hòa | 17/01/2004 | Khánh Hòa | 8,5 | 7,5 | Đạt |
| 20 | CB291020 | Đinh Thị Hồng | 20/03/2003 | Đồng Nai | 8,0 | 7,5 | Đạt |
| 21 | CB291021 | Đỗ Quốc Huy | 31/07/2003 | Đồng Nai | 8,5 | 8,5 | Đạt |
| 22 | CB291022 | Lê Hoàng Huy | 24/07/2002 | Tp. Hồ Chí Minh | 9,0 | 9,0 | Đạt |
| 23 | CB291023 | Huỳnh Tuấn Huy | 21/07/2006 | Tp. Hồ Chí Minh | 9,5 | 8,0 | Đạt |
| 24 | CB291024 | Lê Đức Khải | 13/10/2003 | Bà Rịa-Vũng Tàu | 7,5 | 8,0 | Đạt |
| 25 | CB291025 | Nguyễn Huỳnh Công Khanh | 25/06/2003 | Bình Dương | 9,0 | 7,0 | Đạt |
| 26 | CB291026 | Lương Hữu Khánh | 27/10/2006 | Tp. Hồ Chí Minh | 7,5 | 8,0 | Đạt |
| 27 | CB291027 | Võ Anh Khoa | 20/01/2005 | Tây Ninh | 9,5 | 6,5 | Đạt |
| 28 | CB291028 | Vũ Thị Thúy Kiều | 10/08/2003 | Đắk Lắk | 9,5 | 7,5 | Đạt |
| 29 | CB291029 | Đào Thị Lan | 18/12/2002 | Ninh Bình | 7,5 | 8,0 | Đạt |
| 30 | CB291030 | Phan Thị Trúc Linh | 01/11/2003 | Tp. Hồ Chí Minh | 9,0 | 8,5 | Đạt |
| 31 | CB291031 | Đặng Thị Ái Linh | 01/06/2003 | Hà Tĩnh | 9,5 | 9,0 | Đạt |
| 32 | CB291032 | Nguyễn Thị Mai Linh | 25/11/2003 | Bình Thuận | 6,5 | 7,0 | Đạt |
| 33 | CB291033 | Nguyễn Phước Lộc | 09/09/2004 | Long An | 10,0 | 9,0 | Đạt |
| 34 | CB291034 | Nguyễn Việt Long | 11/08/2006 | Tp. Hồ Chí Minh | 8,5 | 8,0 | Đạt |

| STT | SBD | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | ĐIỂM THI | | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | LT | TH | |
| 35 | CB291035 | Trần Thị Ngọc Mai | 11/09/2003 | Bình Phước | 9,5 | 8,5 | Đạt |
| 36 | CB291036 | Nguyễn Thị Trà My | 24/06/2004 | Bình Thuận | 8,5 | 8,5 | Đạt |
| 37 | CB291037 | Nguyễn Ngọc Mỹ | 26/08/2003 | Khánh Hòa | 6,5 | 8,0 | Đạt |
| 38 | CB291038 | Đào Hải Nam | 02/06/2001 | Hậu Giang | 8,0 | 8,5 | Đạt |
| 39 | CB291039 | Nguyễn Quốc Việt Nam | 09/04/2005 | Tây Ninh | 8,5 | 6,0 | Đạt |
| 40 | CB291040 | Đinh Thị Tuyết Nga | 05/10/2003 | Bình Phước | 5,5 | 7,0 | Đạt |
| 41 | CB291041 | Lâm Bảo Ngọc | 06/07/2004 | Tp. Hồ Chí Minh | 9,5 | 9,0 | Đạt |
| 42 | CB291042 | Dương Thị Hồng Ngọc | 13/02/2003 | Tiền Giang | 9,5 | 9,5 | Đạt |
| 43 | CB291043 | Ngô Bảo Nguyên | 26/01/2003 | Bình Thuận | 7,0 | 5,0 | Đạt |
| 44 | CB291044 | Lê Vũ Nguyên | 22/03/2001 | Đắk Lắk | 8,5 | 8,0 | Đạt |
| 45 | CB291045 | Đỗ Thị Thanh Nhàn | 24/02/2003 | Quảng Nam | 9,0 | 8,0 | Đạt |
| 46 | CB291046 | Nguyễn Thị Ái Nhi | 14/01/2004 | Bình Định | 9,5 | 8,0 | Đạt |
| 47 | CB291047 | Lâm Hồng Uyên Nhi | 10/11/2003 | An Giang | 7,5 | 9,0 | Đạt |
| 48 | CB291048 | Phan Nguyễn Hoàng Nhi | 26/04/2004 | Bình Thuận | 8,5 | 9,0 | Đạt |
| 49 | CB291049 | Nguyễn Ngọc Quỳnh Như | 26/04/2003 | Long An | 6,5 | 5,5 | Đạt |
| 50 | CB291050 | Phạm Nguyễn Quỳnh Như | 10/10/2004 | Tp. Hồ Chí Minh | 7,0 | 5,5 | Đạt |
| 51 | CB291051 | Huỳnh Thị Tuyết Nhung | 17/07/2005 | Tây Ninh | - | - | Vắng thi |
| 52 | CB291052 | Trần Thuận Phát | 15/11/2004 | Tiền Giang | 6,0 | 7,0 | Đạt |
| 53 | CB291053 | Phạm Tấn Phát | 31/07/2003 | Tp. Hồ Chí Minh | 8,5 | 8,0 | Đạt |
| 54 | CB291054 | Đỗ Hoàng Khánh Phi | 11/04/2003 | Tp. Hồ Chí Minh | 9,5 | 8,0 | Đạt |
| 55 | CB291055 | Trương Văn Phong | 25/04/2003 | Tp. Hồ Chí Minh | 7,5 | 8,5 | Đạt |
| 56 | CB291056 | Vũ Sỹ Phú | 10/02/2005 | Long An | 6,5 | 7,0 | Đạt |
| 57 | CB291057 | Đặng Anh Phúc | 04/10/2003 | Tây Ninh | 4,5 | 6,0 | Không Đạt |
| 58 | CB291058 | Đặng Nhật Phúc | 04/10/2003 | Tây Ninh | 3,5 | 6,5 | Không Đạt |
| 59 | CB291059 | Huỳnh Minh Phụng | 07/03/2004 | Tp. Hồ Chí Minh | 9,0 | 6,0 | Đạt |
| 60 | CB291060 | Lê Võ Trúc Phương | 20/01/2004 | Tp. Hồ Chí Minh | 8,5 | 6,0 | Đạt |
| 61 | CB291061 | Nguyễn Duy Phương | 26/02/2005 | Tây Ninh | 8,5 | 8,0 | Đạt |
| 62 | CB291062 | Tằng Cỏn Phượng | 20/08/2003 | Bình Phước | 10,0 | 8,5 | Đạt |
| 63 | CB291063 | Nguyễn Đình Quang | 30/03/2003 | Tp. Hồ Chí Minh | 9,5 | 8,0 | Đạt |
| 64 | CB291064 | Huỳnh Phú Quý | 21/10/2005 | Tp. Hồ Chí Minh | 7,5 | 6,0 | Đạt |
| 65 | CB291065 | Trần Huỳnh Như Quỳnh | 20/10/2004 | Cà Mau | 8,5 | 6,5 | Đạt |
| 66 | CB291066 | Trương Thị Thu Sang | 07/10/2004 | Hà Tĩnh | 9,0 | 7,0 | Đạt |
| 67 | CB291067 | Nguyễn Ngọc Sơn | 28/06/2005 | Tiền Giang | 8,5 | 7,0 | Đạt |
| 68 | CB291068 | Huỳnh Thị Thu Sương | 19/02/2003 | Long An | 7,5 | 7,0 | Đạt |
| 69 | CB291069 | Lê Thanh Tâm | 04/08/2003 | Tây Ninh | 6,5 | 2,0 | Không Đạt |
| 70 | CB291070 | Nguyễn Minh Tân | 28/05/2005 | Long An | 6,5 | 7,0 | Đạt |
| 71 | CB291071 | Lê Quốc Thái | 30/08/2004 | Tp. Hồ Chí Minh | 8,0 | 5,0 | Đạt |
| 72 | CB291072 | Nguyễn Văn Thành | 12/10/2005 | Gia Lai | 8,5 | 9,0 | Đạt |
| 73 | CB291073 | Vũ Thị Phương Thảo | 19/10/2003 | Vĩnh Phúc | 9,5 | 9,0 | Đạt |

| STT | SBD | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | ĐIỂM THI | | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | LT | TH | |
| 74 | CB291074 | Phạm Ngọc Thiện | 01/01/2003 | Khánh Hòa | 6,0 | 6,0 | Đạt |
| 75 | CB291075 | Lê Lữ Ngọc Thịnh | 13/03/2003 | Cà Mau | 6,5 | 7,0 | Đạt |
| 76 | CB291076 | Nguyễn Minh Thư | 24/02/2004 | Lâm Đồng | 3,5 | 5,0 | Không Đạt |
| 77 | CB291077 | Lê Thị Anh Thư | 27/10/2003 | Bến Tre | 7,5 | 7,0 | Đạt |
| 78 | CB291078 | Nguyễn Thị Thu Thùy | 15/10/2003 | Bình Thuận | 9,5 | 7,0 | Đạt |
| 79 | CB291079 | Nguyễn Ngọc Như Thùy | 05/03/2004 | Tp. Hồ Chí Minh | 9,0 | 6,5 | Đạt |
| 80 | CB291080 | Nguyễn Lâm Nhật Tiến | 02/09/2003 | Tp. Hồ Chí Minh | 9,5 | 7,5 | Đạt |
| 81 | CB291081 | Đặng Bảo Toàn | 31/10/2003 | Tp. Hồ Chí Minh | 8,0 | 7,0 | Đạt |
| 82 | CB291082 | Phan Thị Bích Trâm | 04/10/2003 | Đồng Nai | 8,0 | 7,0 | Đạt |
| 83 | CB291083 | Đoàn Nguyễn Quỳnh Trâm | 19/06/2006 | Tp. Hồ Chí Minh | 7,0 | 7,5 | Đạt |
| 84 | CB291084 | Đỗ Hiền Huyền Trang | 04/05/2003 | Tp. Hồ Chí Minh | 7,0 | 8,0 | Đạt |
| 85 | CB291085 | Nguyễn Hiền Trang | 10/09/2003 | Bình Thuận | 9,5 | 8,0 | Đạt |
| 86 | CB291086 | Trần Minh Trí | 14/10/2003 | Long An | 10,0 | 9,0 | Đạt |
| 87 | CB291087 | Huỳnh Thị Ngọc Trinh | 24/04/2004 | Long An | 6,0 | 6,0 | Đạt |
| 88 | CB291088 | Ngô Đình Trọng | 29/01/2003 | Tp. Hồ Chí Minh | 7,5 | 7,0 | Đạt |
| 89 | CB291089 | Bùi Thị Thanh Trúc | 02/09/2004 | Long An | 9,5 | 8,0 | Đạt |
| 90 | CB291090 | Phan Minh Trung | 04/08/2003 | Tp. Hồ Chí Minh | 4,5 | 6,5 | Không Đạt |
| 91 | CB291091 | Nguyễn Thanh Trung | 16/10/2003 | Tp. Hồ Chí Minh | 7,0 | 7,0 | Đạt |
| 92 | CB291092 | Vũ Nhật Trường | 11/10/2003 | Đắk Lắk | 9,0 | 8,0 | Đạt |
| 93 | CB291093 | Nguyễn Trọng Tuấn | 27/11/2003 | Tp. Hồ Chí Minh | 5,5 | 5,0 | Đạt |
| 94 | CB291094 | Nguyễn Phúc Tường | 04/07/2003 | Tp. Hồ Chí Minh | 7,0 | 6,5 | Đạt |
| 95 | CB291095 | Vũ Thị Minh Tuyền | 17/09/2004 | Hải Phòng | 9,5 | 7,0 | Đạt |
| 96 | CB291096 | Nguyễn Quốc Việt | 12/05/2004 | Long An | 8,5 | 2,5 | Không Đạt |
| 97 | CB291097 | Phạm Quang Vinh | 13/08/2003 | Hải Phòng | 7,5 | 7,0 | Đạt |
| 98 | CB291098 | Lê Thế Vinh | 01/04/2002 | Kiên Giang | 8,0 | 7,5 | Đạt |
| 99 | CB291099 | Châu Nguyễn Như Ý | 03/08/2003 | Tp. Hồ Chí Minh | 10,0 | 6,0 | Đạt |
| 100 | CB291100 | Võ Kim Yến | 28/12/2004 | Tp. Hồ Chí Minh | 9,0 | 5,0 | Đạt |

***Tổng cộng: 100 thí sinh***